

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỒNG THÁP
ĐỀ CHÍNH THỨC**
(Đề thi có 04 trang)

uigeli.xyz

**ĐỀ KHẢO SÁT KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT
LẦN 2**

Năm học 2025-2026

Môn: ĐỊA LÍ

*Thời gian làm bài: 50 phút (không tính thời gian
phát đề)*

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 002

PHẦN I. Câu hỏi trắc nghiệm phương án lựa chọn. (Học sinh trả lời 18 câu từ câu 1 đến câu 18, mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án)

Câu 1. Đường biên giới trên biển và trên đất liền của nước ta dài gấp khó khăn lớn nhất về

- A. bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.
- B. thu hút đầu tư nước ngoài.
- C. thiếu nguồn lao động.
- D. phát triển nền văn hóa.

Câu 2. Ảnh hưởng của vị trí địa lý và hình dáng lãnh thổ đến sông ngòi nước ta là

- A. có rất nhiều chi lưu và tổng lượng nước lớn.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc, có độ dốc lớn.
- C. phần lớn là sông nhỏ, chế độ nước theo mùa.
- D. hàm lượng phù sa lớn và chảy ra Biển Đông.

Câu 3. Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hoạt động thất thường và suy yếu khi xuống phía nam.
- B. Gây ra mùa đông lạnh với lượng mưa ít cho miền Bắc.
- C. Xuất phát từ khối khí cực đới lục địa ở phương Bắc tới.
- D. Thổi cố định theo hướng đông bắc và có tính chất lạnh.

Câu 4. Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của vùng Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. bão lũ với tần suất ngày càng lớn, khô hạn xảy ra trên diện rộng.
- B. sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu và dòng chảy sông ngòi.
- C. thời tiết ngày càng bất ổn định, dòng chảy sông ngòi thất thường.
- D. xói mòn, rửa trôi, ngập lụt trên diện rộng, thiếu nước vào mùa khô.

Câu 5. Để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở các đồng bằng của nước ta cần

- A. áp dụng biện pháp nông lâm kết hợp.
- B. ngăn chặn nạn du canh, du cư.
- C. chống suy thoái và ô nhiễm đất.
- D. thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc.

Câu 6. Phải đặt vấn đề sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên vì

- A. thiên tai, bão lũ, hạn hán thường xuyên xảy ra.
- B. đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển bền vững.
- C. khoa học kỹ thuật ngày càng có nhiều tiến bộ.
- D. dân số tăng nhanh, đời sống xã hội nâng cao.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Phân bố dân cư không đồng đều.
- B. Tỷ lệ tăng dân số đang tăng dần.
- C. Cơ cấu giới tính khá cân bằng.
- D. Cơ cấu dân số đang già hóa.

Câu 8. Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng gây khó khăn lớn nhất cho việc

- A. bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- B. nâng cao chất lượng cuộc sống.
- C. sử dụng hiệu quả nguồn lao động.
- D. nâng cao tay nghề cho lao động.

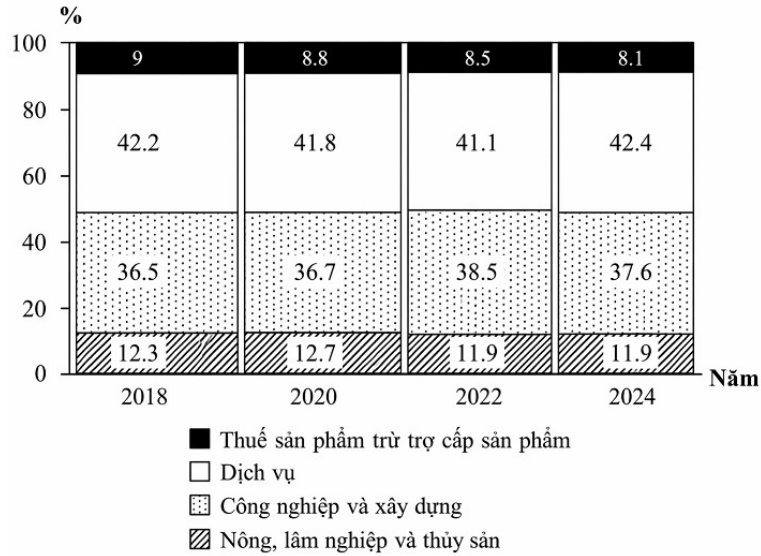
Câu 9. Cơ cấu sử dụng lao động xã hội của nước ta thay đổi chủ yếu do

- A. phát triển kinh tế thị trường, đẩy mạnh công nghiệp hoá.
- B. quá trình đổi mới và cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.
- C. đẩy mạnh công nghiệp hoá và năng suất lao động tăng.
- D. năng suất lao động tăng, cách mạng khoa học kỹ thuật.

Câu 10. Mức độ đô thị hóa ở vùng núi nước ta thấp hơn đồng bằng chủ yếu do

- A. địa hình khó khăn cho xây dựng đô thị, số dân ít.
- B. chất lượng cuộc sống thấp, cơ sở hạ tầng hạn chế.
- C. quá trình công nghiệp hóa diễn ra muộn, số dân ít.
- D. trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp, thưa dân.

Câu 11. Cho biểu đồ sau:



Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành phân theo khu vực kinh tế nước ta, giai đoạn 2018 - 2024

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2018 và năm 2024, NXB. Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Năm 2024 so với năm 2018, tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng 0,2%.
- B. Tỉ trọng khu vực thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng nhanh.
- C. Tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng lên liên tục.
- D. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng nước ta tăng liên tục.

Câu 12. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhằm đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế nước ta hiện nay?

- A. Xác định cơ cấu kinh tế hợp lí, đảm bảo với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.
- B. Chuyển dịch cơ cấu ngành sản xuất, tăng tính đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm.
- C. Giảm tỉ trọng khu vực nông - lâm - thủy sản, tăng công nghiệp - xây dựng.
- D. Tập trung hình thành các vùng động lực phát triển và các hành lang kinh tế.

Câu 13. Trong sản xuất nông nghiệp nước ta, việc đảm bảo an ninh lương thực là cơ sở để

- A. tăng hệ số sử dụng đất.
- B. đa dạng hóa sản xuất.
- C. phát triển chuỗi liên kết.
- D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 14. Cho bảng số liệu:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta, giai đoạn 2021 - 2024

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Cá nuôi	Tôm nuôi	Thủy sản khác
2021	3 321,9	1 015,7	549,1
2022	3 503,4	1 145,3	585,1
2023	3 654,9	1 230,2	645,6
2024	3 831,6	1 335,6	645,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021 và năm 2024, NXB. Thống kê)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta giai đoạn 2021 - 2024, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Tròn, miền, đường.
- B. Kết hợp, cột, miền.
- C. Đường, cột, kết hợp.

D. Miền, tròn, cột.

Câu 15. Điều không phải là một trong những nội dung thuộc chính sách phát triển lâm nghiệp ở nước ta về mặt kinh tế - xã hội?

- A. Thực hiện đồng bộ chính sách đóng cửa rừng.
- B. Huy động nguồn lực xã hội cho lâm nghiệp.
- C. Thực hiện tốt chính sách giao đất, giao rừng.
- D. Người dân tích lũy được nhiều kinh nghiệm.

Câu 16. Biểu hiện rõ rệt nhất của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta thời gian gần đây là

- A. đẩy mạnh ngành công nghiệp khai khoáng để tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.
- B. tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến tăng, ngành công nghiệp khai thác giảm.
- C. ngành công nghiệp chế biến có tỉ trọng thấp hơn ngành công nghiệp khai thác.
- D. giá trị ngành công nghiệp chế biến tăng, ngành công nghiệp khai thác giảm.

Câu 17. Các cơ sở công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm của nước ta phân bố nhiều nhất ở các vùng nào sau đây?

- A. Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ.

Câu 18. Công nghiệp sản xuất điện tác động mạnh mẽ đến các ngành kinh tế khác thể hiện qua

- A. quy mô của ngành, kĩ thuật - công nghệ, chất lượng và giá cả.
- B. giá cả của sản phẩm, kĩ thuật-công nghệ, nguồn nguyên liệu.
- C. quy mô của ngành, giá cả của sản phẩm, thị trường tiêu thụ.
- D. chất lượng sản phẩm, giá cả sản phẩm, quy định nguyên liệu.

PHẦN II. Câu hỏi trắc nghiệm đúng/sai. (Học sinh trả lời 04 câu, từ câu 1 đến câu 4; trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu chọn đúng hoặc sai)

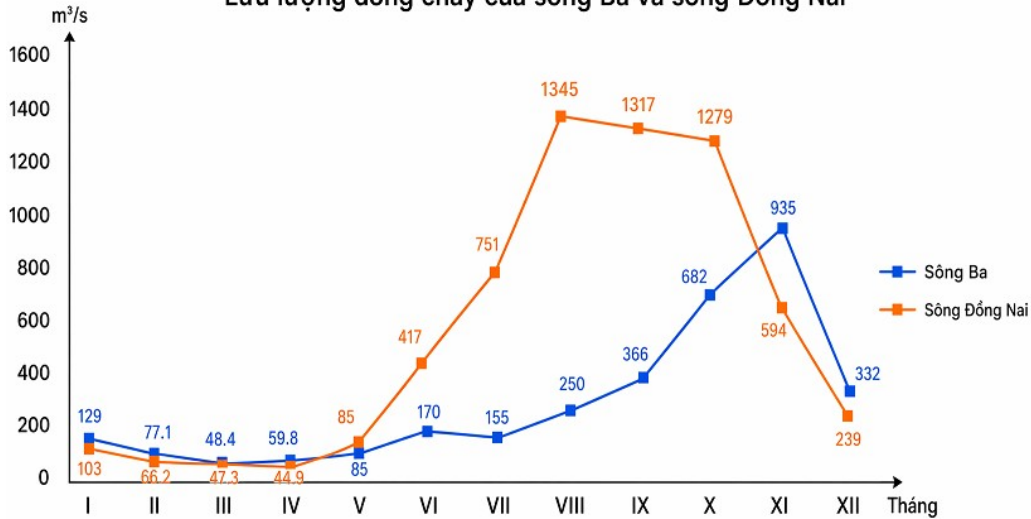
Câu 1. Cho thông tin sau:

Sự diễn biến của gió mùa mùa hạ cũng rất phức tạp với hai nguồn gốc chính, nguồn gốc của các luồng gió mùa mùa hạ cũng không đồng nhất trong thời gian và không gian. Xét về nguồn gốc, gió mùa mùa hạ có khi là tín phong nam bán cầu đổi hướng khi vượt qua xích đạo lên bắc bán cầu, có khi chỉ là gió bắc bán cầu bị hút vào áp thấp nóng Ấn Độ - Mianma. Sự tương tác giữa các luồng gió này với địa hình và dải hội tụ nhiệt đới đã tạo nên sự phân hóa mưa - nắng rõ rệt giữa các vùng miền và là tác nhân chính gây ra bão, lũ lụt tại nước ta.

- a) Gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta vào thời gian từ tháng 5 đến tháng 10 năm sau.
- b) Gió tây nam đầu mùa gây thời tiết nóng và khô ở ven biển Trung bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc nước ta.
- c) Tác động của dải hội tụ nhiệt đới ở nước ta là gây mưa lớn vào mùa hạ, tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam.
- d) Kết quả tác động của khối khí nhiệt đới ẩm từ bắc Ấn Độ Dương đến nước ta là làm cho mùa mưa ở Duyên hải miền Trung đến sớm hơn.

Câu 2. Cho biểu đồ sau:

Lưu lượng dòng chảy của sông Ba và sông Đồng Nai



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2024, NXB. Thống kê)

- Tổng lưu lượng nước và lưu lượng nước trung bình của sông Ba nhỏ hơn sông Đồng Nai.
- Lưu lượng nước trung bình của sông Ba trong 4 tháng mùa khô nhất (tháng I đến tháng IV) cao hơn 70 m³/s.
- Sông Đồng Nai có mùa lũ lệch về thu đông rõ hơn sông Ba.
- Sông Đồng Nai có tháng đỉnh lũ sớm hơn sông Ba.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Số lượt hành khách luân chuyển theo ngành vận tải ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2024

(Đơn vị: triệu lượt người.km)

Năm	2015	2020	2024
Đường sắt	4 149,6	1 509,2	2 855,2
Đường ô tô	105 382,2	112 740,5	159 257,4
Đường sông	3 064,5	2 725,9	6 003,1
Đường hàng không	42 068,4	34 124,9	88 218,32

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015 và năm 2024, NXB. Thống kê)

- Số lượt khách luân chuyển bằng đường sắt của nước ta giảm liên tục qua các năm trong giai đoạn 2015 - 2024.
- Số lượt khách luân chuyển bằng đường hàng không của nước ta luôn cao nhất trong giai đoạn 2015 - 2024.
- Số lượt khách luân chuyển theo ngành vận tải của nước ta có biến động mạnh trong giai đoạn 2015 - 2024 do tác động của đại dịch Covid-19.
- Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp để thể hiện cơ cấu số lượt khách luân chuyển phân theo ngành vận tải ở nước ta, giai đoạn 2015 - 2024.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi phía Bắc có địa hình phần lớn là đồi núi với sự phân hóa đa dạng, xen kẽ các cao nguyên có bề mặt tương đối bằng phẳng và các thung lũng màu mỡ. Địa hình cao nguyên và các khu vực đồi núi thấp có đất feralit trên đá phiến, đá vôi chiếm diện tích lớn, tạo điều kiện hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả và rau tập trung. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao thuận lợi cho trồng cây công nghiệp, cây ăn quả và các loại rau nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới. Nguồn nước dồi dào cung cấp nước tưới cho cây công nghiệp và cây ăn quả.

- Chè là cây công nghiệp cận nhiệt điển hình ở Trung du và miền núi phía Bắc.
- Nguyên nhân quan trọng nhất để Trung du và miền núi phía Bắc trồng được các loại cây cận nhiệt và ôn đới là địa hình đồi núi, đất feralit.
- Ngoài cây cận nhiệt và ôn đới, ở Tây Bắc có thể trồng cà phê chè chủ yếu do khí hậu và đất đai phù hợp.
- Trung du và miền núi phía Bắc phát triển các cây công nghiệp, cây ăn quả nhằm mục đích chủ yếu là đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong vùng.

PHẦN III. Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn. (Học sinh trả lời 06 câu, từ câu 1 đến câu 6)

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Dân số và tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá hiện hành của nước ta năm 2021 và 2024

Năm	Dân số (triệu người)	Tổng sản phẩm trong nước (tỉ đồng)
2021	98,5	8 487 475,6
2024	101,3	11 511 867,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021 và năm 2024, NXB. Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết bình quân GDP/người của nước ta năm 2024 so với năm 2021 tăng thêm bao nhiêu triệu đồng? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Đáp án:

Câu 2. Năm 2024, số dân nước ta là 101,3 triệu người, tỉ lệ dân nông thôn là 61,5%. Hãy cho biết năm 2024, số dân nông thôn nước ta nhiều hơn số dân thành thị là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tổng số trang trại và số trang trại chăn nuôi của nước ta năm 2020 và năm 2024

(Đơn vị: trang trại)

Năm	2020	2024
Tổng số trang trại	23 680	26 111
Số trang trại chăn nuôi	13 752	14 256

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2020 và năm 2024, NXB. Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng số lượng trang trại chăn nuôi trong tổng số trang trại của nước ta năm 2024 so với năm 2020 giảm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Sản lượng quặng đồng và tinh quặng đồng của nước ta, năm 2015 và năm 2024

(Đơn vị: tấn)

Năm	2015	2024
Sản lượng	49 032,0	130 010,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2015 và năm 2024, NXB. Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng quặng đồng và tinh quặng đồng của nước ta năm 2024 so với năm 2015 tăng thêm bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Năm 2024, ngành vận tải đường biển nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa là 129,5 triệu tấn, khối lượng luân chuyển hàng hóa là 127 791,0 triệu tấn.km. Hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình của đường biển nước ta năm 2024 là bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Năm 2024, vùng Trung du và miền núi phía Bắc có diện tích trồng lúa là 604,3 nghìn ha, sản lượng đạt 3 058,4 nghìn tấn. Hãy cho biết năng suất lúa của vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2024 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I. Trắc nghiệm phương án lựa chọn

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	A	C	D	D	C	B	B	C	B
Câu	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	D	A	A	B	D	D	B	C	A

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng/sai

Câu	a	b	c	d
1	Sai	Đúng	Đúng	Sai
2	Đúng	Sai	Sai	Đúng
3	Sai	Sai	Đúng	Đúng

4	Đúng	Sai	Đúng	Sai
---	------	-----	------	-----

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	27,5	23,3	3,5	165	987	50,6

LỜI GIẢI THAM KHẢO**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN****Câu 1: chọn A.**

Đường biên giới trên biển và trên đất liền dài nên khó khăn lớn nhất là bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn an ninh – quốc phòng. Các phương án về thu hút đầu tư, thiếu lao động hay phát triển văn hóa không phải khó khăn lớn nhất do chiều dài biên giới gây ra.

Câu 2: chọn C.

Do lãnh thổ nước ta kéo dài, hẹp ngang và nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên sông ngòi phần lớn là sông nhỏ, ngắn và có chế độ nước theo mùa. Mạng lưới dày đặc, độ dốc lớn hay nhiều phù sa còn chịu tác động mạnh của địa hình và khí hậu, không phản ánh rõ nhất ảnh hưởng của vị trí địa lý và hình dáng lãnh thổ.

Câu 3: chọn D.

Gió mùa mùa đông ở miền Bắc có nguồn gốc từ khối khí lạnh phương Bắc, hoạt động thất thường và suy yếu dần về phía nam. Nói gió này “thời cổ định theo hướng đông bắc” là không đúng, vì hướng gió không hoàn toàn cố định trong suốt mùa đông.

Câu 4: chọn D.

Nam Trung Bộ và Nam Bộ có mùa khô sâu sắc nên thường thiếu nước vào mùa khô; vào mùa mưa lại dễ xảy ra xói mòn, rửa trôi, ngập lụt ở nhiều nơi. Đây là khó khăn tự nhiên nổi bật nhất của hai vùng.

Câu 5: chọn C.

Ở đồng bằng, vấn đề nổi bật của đất nông nghiệp là suy thoái và ô nhiễm đất do thâm canh, hóa chất nông nghiệp, chất thải sản xuất. Vì vậy biện pháp quan trọng là chống suy thoái và ô nhiễm đất. Nông lâm kết hợp hay canh tác trên đất dốc phù hợp hơn với miền núi.

Câu 6: chọn B.

Sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là yêu cầu để khai thác lâu dài, tránh cạn kiệt và suy thoái tài nguyên, từ đó bảo đảm phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường.

Câu 7: chọn B.

Hiện nay tỉ lệ tăng dân số của nước ta có xu hướng giảm, không phải tăng dần. Các nhận xét còn lại đều đúng: dân cư phân bố chưa đều, cơ cấu giới tính khá cân bằng và dân số đang có xu hướng già hóa.

Câu 8: chọn C.

Phân bố dân cư không đều làm nơi thừa lao động, nơi thiếu lao động; do đó gây khó khăn lớn nhất cho việc sử dụng hiệu quả nguồn lao động trên phạm vi cả nước.

Câu 9: chọn B.

Cơ cấu sử dụng lao động xã hội thay đổi chủ yếu do quá trình đổi mới nền kinh tế và tác động của cách mạng khoa học – kỹ thuật. Hai yếu tố này thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từ đó làm chuyển dịch cơ cấu lao động.

Câu 10: chọn D.

Vùng núi có trình độ phát triển kinh tế – xã hội thấp hơn, dân cư thưa hơn đồng bằng nên mức độ đô thị hóa thấp hơn. Đó là nguyên nhân chủ yếu nhất.

Câu 11: chọn A.

Từ biểu đồ: khu vực dịch vụ năm 2018 là $\{42,2\}\%$, năm 2024 là $\{42,4\}\%$, nên tăng $42,4\% - 42,2\% = 0,2\%$. Các phương án khác sai vì thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm dần, nông – lâm – thủy sản không tăng liên tục và công nghiệp – xây dựng cũng không tăng liên tục.

Câu 12: chọn A.

Muốn tăng trưởng bền vững cần có cơ cấu kinh tế hợp lí, gắn tăng trưởng với hiệu quả, tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Đây là nhân tố chủ yếu nhất.

Câu 13: chọn B.

Đảm bảo an ninh lương thực là nền tảng để người sản xuất yên tâm chuyển sang đa dạng hóa nông nghiệp, phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, thủy sản và hàng hóa có giá trị cao hơn.

Câu 14: chọn D.

Bài yêu cầu thể hiện sự thay đổi cơ cấu qua nhiều năm. Với dạng cơ cấu theo thời gian, biểu đồ miền là rất thích hợp; biểu đồ tròn cũng dùng được nếu chọn từng năm; biểu đồ cột chồng cũng có thể thể hiện cơ cấu. Biểu đồ đường hay kết hợp không phù hợp để biểu diễn cơ cấu.

Câu 15: chọn D.

“Người dân tích lũy được nhiều kinh nghiệm” là kết quả hoặc thuận lợi thực tế, không phải một nội dung của chính sách phát triển lâm nghiệp về mặt kinh tế – xã hội.

Câu 16: chọn B.

Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp thời gian gần đây thể hiện rõ nhất ở việc tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác.

Câu 17: chọn C.

Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng là hai vùng tập trung nhiều cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm do có nguồn nguyên liệu nông – thủy sản phong phú, dân cư đông và thị trường tiêu thụ lớn.

Câu 18: chọn A.

Công nghiệp điện lực tác động mạnh đến các ngành khác thông qua quy mô cung cấp điện, trình độ kỹ thuật – công nghệ, chất lượng điện năng và giá cả điện. Điện là đầu vào thiết yếu của hầu hết ngành kinh tế.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI**Câu 1.**

- a) Sai. Gió mùa mùa hạ ở nước ta hoạt động chủ yếu từ khoảng tháng 5 đến tháng 10, không kéo dài đến tháng 10 năm sau.
- b) Đúng. Đầu mùa hạ, gió tây nam kết hợp địa hình Trường Sơn gây hiệu ứng phơn, tạo thời tiết nóng và khô ở ven biển Trung Bộ và phần nam khu vực Tây Bắc.
- c) Đúng. Dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân quan trọng gây mưa lớn vào mùa hạ; thời gian mưa cực đại có xu hướng lùi dần từ Bắc vào Nam.
- d) Sai. Khối khí nhiệt đới ẩm từ bắc Ấn Độ Dương chủ yếu gây mưa cho Nam Bộ và Tây Nguyên. Duyên hải miền Trung mưa tập trung muộn hơn, chủ yếu vào thu – đông.

Câu 2.

- a) Đúng. Từ biểu đồ, tổng lưu lượng năm của sông Ba nhỏ hơn sông Đồng Nai; vì vậy lưu lượng trung bình năm của sông Ba cũng nhỏ hơn.

b) Đúng. Bốn tháng I đến IV của sông Ba có lưu lượng lần lượt là $129, 77,1, 48,4, 59,8$ m³/s. Trung bình là $(129 + 77,1 + 48,4 + 59,8) / 4 = 78,6$ m³/s, lớn hơn 70 m³/s.

c) Sai. Sông Đồng Nai có mùa lũ chủ yếu từ khoảng tháng VIII đến tháng X, còn sông Ba tập trung mạnh vào các tháng X đến XI. Vì vậy sông Ba lệch về thu – đông rõ hơn.

d) Đúng. Đỉnh lũ của sông Đồng Nai rơi vào tháng VIII, còn sông Ba đạt cực đại vào tháng XI; do đó sông Đồng Nai có tháng đỉnh lũ sớm hơn.

Câu 3.

a) Sai. Đường sắt năm 2015 là $4149,6$, năm 2020 là $1509,2$, nhưng năm 2024 tăng lên $2855,2$ triệu lượt người.km. Như vậy không giảm liên tục.

b) Sai. Đường hàng không không phải luôn cao nhất; trong cả ba năm, đường ô tô đều có số lượt hành khách luân chuyển lớn nhất.

c) Đúng. Số liệu các ngành vận tải biến động rõ rệt, nhất là giai đoạn 2020, phản ánh tác động mạnh của đại dịch Covid-19 đến hoạt động vận tải.

d) Đúng. Yêu cầu thể hiện cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển theo ngành vận tải qua từ 3 mốc thời gian trở lên nên biểu đồ miền là thích hợp.

Câu 4.

a) Đúng. Chè là cây công nghiệp cận nhiệt điển hình của Trung du và miền núi phía Bắc.

b) Sai. Nguyên nhân quan trọng nhất để trồng cây cận nhiệt và ôn đới là khí hậu có mùa đông lạnh và phân hóa theo độ cao; địa hình và đất feralit chỉ là điều kiện hỗ trợ.

c) Đúng. Ở Tây Bắc có thể trồng cà phê chè (Arabica) chủ yếu nhờ khí hậu mát hơn và đất đai phù hợp.

d) Sai. Việc phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả ở Trung du và miền núi phía Bắc không chỉ để đáp ứng nhu cầu trong vùng mà còn hướng mạnh tới sản xuất hàng hóa, cung cấp cho cả nước và xuất khẩu.

PHẦN III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1.

Bình quân GDP/người được tính bằng công thức: $\$GDP/người = GDP / \text{Dân số}$.

Năm 2021: $8487475,6 / 98,5 = 86,2$ triệu đồng/người.

Năm 2024: $11511867,2 / 101,3 = 113,6$ triệu đồng/người.

Mức tăng là $113,6 - 86,2 = 27,4$ triệu đồng/người; làm tròn đến một chữ số thập phân được $27,5$ triệu đồng/người.

Đáp án: $27,5$.

Câu 2.

Tỉ lệ dân thành thị năm 2024 là $100\% - 61,5\% = 38,5\%$.

Số dân nông thôn: $101,3 \times 61,5\% = 62,2995$ triệu người.

Số dân thành thị: $101,3 \times 38,5\% = 39,0005$ triệu người.

Số dân nông thôn nhiều hơn số dân thành thị là $62,2995 - 39,0005 = 23,299$ triệu người.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: $23,3$ triệu người.

Đáp án: $23,3$.

Câu 3.

Tỉ trọng trang trại chăn nuôi năm 2020 là $(13752 / 23680) \times 100 = 58,1\%$.

Tỉ trọng trang trại chăn nuôi năm 2024 là $(14256 / 26111) \times 100 = 54,6\%$.

Mức giảm là $58,1\% - 54,6\% = 3,5\%$.

Thực chất đây là giảm $3,5$ điểm phần trăm.

Đáp án: $3,5$.

Câu 4.

Phần trăm tăng thêm được tính theo công thức: $\frac{(\text{Giá trị mới} - \text{Giá trị cũ})}{\text{Giá trị cũ}} \times 100\%$

Ta có $((130010 - 49032) / 49032) \times 100 = 165,15\%$.

Làm tròn đến hàng đơn vị được 165% .

Đáp án: 165 .

Câu 5.

Cự li vận chuyển trung bình được tính bằng công thức

Khối lượng luân chuyển / Khối lượng vận chuyển.

Ta có $127791,0 / 129,5 = 986,8$ km.

Làm tròn đến hàng đơn vị: 987 km.

Đáp án: 987 .

Câu 6.

Năng suất lúa được tính bằng công thức:

Sản lượng / Diện tích.

Ta có $3058,4 / 604,3 = 5,061$ tấn/ha.

Đổi ra tạ/ha: $5,061 \times 10 = 50,61$ tạ/ha.

Làm tròn đến một chữ số thập phân: $50,6$ tạ/ha.

Đáp án: $50,6$.